

Bản án số: 666/2025/HS-PT

Ngày: 23-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Cảnh

Các thẩm phán: Ông Hoàng Văn Thành

Ông Nguyễn Văn Chương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Thơm -

Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 556/2025/TLPT-HS ngày 18 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Phương T, Nguyễn Văn H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 89/2025/HS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, Hà Nội.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. NGUYỄN PHƯƠNG T, sinh ngày 01/8/1977 tại Hà Nội; ĐKKHKT: Xóm Vang, xã C, huyện Đ, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Xóm H, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội (nay là: Xóm H, xã Đ, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Nguyên Thiếu tá, Cán bộ Đội Cảnh sát THAHS &HTTP Công an quận L, thành phố Hà Nội (đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân); Là đảng viên Đ1 (đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Đặng Thị A; có vợ Dương Thu H1 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền

sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/5/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H, có mặt.

2. NGUYỄN VĂN H, sinh ngày 10/12/1981 tại Hà Nội; ĐKKHKT: Số I, ngách F đường N, phường N, quận L, thành phố Hà Nội (nay là: Số I, ngách F đường N, phường B, thành phố Hà Nội); nơi cư trú: Tổ C, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội (nay là: Tổ C, phường V, thành phố Hà Nội); nghề nghiệp: Nguyên Đại úy, Cán bộ đội Cảnh sát THAHS&HTTP Công an quận L, thành phố Hà Nội (đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân); Là Đảng viên Đ1 (đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị B1; có vợ Vũ Thu H2 và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 446/2025/HSST ngày 02 tháng 7 năm 2025, TAND TP Hà Nội xử Tử hình về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” (án chưa có hiệu lực pháp luật). Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T16 - Bộ C, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H:**

Ông **Nguyễn Văn H3** - Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn An N thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ 12h39' đến 12h42' ngày 22/4/2020, tại Buồng giam số 205 Nhà tạm giữ Công an quận L bị can Vương Quốc P sinh năm 1987, trú tại: 1 Đ, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội; là đối tượng có tiền sử nghiện ma túy, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/02/2020 đến ngày 22/4/2020 về tội “Trộm cắp tài sản” nằm đắp chăn kín mặt có biểu hiện sử dụng bột lửa trong chăn, phát ánh lửa loé sáng khoảng 09 lần, sau đó P bị co giật, nằm bất động. Các cán bộ Nhà tạm giữ Công an quận L nhanh chóng đưa P đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ2, nhưng P đã tử vong ngoại viện.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã khởi tố vụ án hình sự số 203/PC01-Đ4 ngày 22/8/2020 “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Sau đó, xác định có dấu hiệu xâm phạm hoạt động tư pháp

nên vụ án được chuyển tới Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra đã xác định được Nguyễn Văn H (cán bộ quản giáo Công An quận L) và Nguyễn Phương T (cán bộ chuyên trách công tác bảo vệ Nhà tạm giữ Công an quận L) và là trưởng ca trực trong các ca trực bảo vệ Nhà tạm giữ được phân công) đã có hành vi nhiều lần dẫn Nguyễn Thị Kim H4 (sinh năm 1985, trú tại: I Đ, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội) vào Nhà tạm giữ Công an quận L để gặp Lê Hồng H5 (sinh năm 1979, trú tại: A H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội) bị tạm giam về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 4 Điều 251 và khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, thuộc đối tượng không được các cơ quan tiến hành tố tụng cho thân nhân thăm gặp; và từ cuối tháng 02/2020, do yêu cầu phòng, chống dịch bệnh C, Nhà tạm giữ Công an quận L cũng không giải quyết cho thân nhân thăm gặp các bị can, phạm nhân trong thời gian có dịch bệnh.

Quá trình điều tra xác định:

Lê Hồng H5 (sinh năm 1979, nơi ĐKHKTT: 167 H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội) bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận L, thành phố Hà Nội từ ngày 24/9/2019 đến ngày 23/4/2020. Sau đó, H5 được điều chuyển đến Trại tạm giam số 02 Công an T. Trong thời gian bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận L, do có yêu cầu của Cơ quan thụ lý án nên can phạm H5 không được cho thăm gặp thân nhân. Ngoài ra, từ cuối tháng 02/2020, do yêu cầu phòng, chống dịch bệnh Covid-19 nên Nhà tạm giữ Công an quận L không tổ chức cho các can phạm được thăm gặp thân nhân trong thời gian có dịch bệnh.

Khoảng cuối tháng 3/2020, do quen biết từ trước, Nguyễn Thị Kim H4 (là người sống chung như vợ chồng với Lê Hồng H5), đã nhờ Nguyễn Văn H giúp cho H4 được thăm gặp H5. Mặc dù H biết rõ H5 là đối tượng không được thăm gặp và H cũng không có thẩm quyền giải quyết việc cho thăm gặp bị can cũng như không được phép đưa người không có nhiệm vụ vào bên trong Nhà tạm giữ Công an quận L, nhưng vì nể nang nên H đã đồng ý. Tuy nhiên, H vừa mới được tăng cường cho Tổ chuyên trách công tác bảo vệ Nhà tạm giữ Công an quận L từ tháng 02/2020 và không phải là T1 ca trực, nên không thể tự sắp xếp, bố trí cho H4 vào trong Nhà tạm giữ

thăm gặp H5 được. H đã liên hệ với Nguyễn Phương T, cán bộ chuyên trách công tác bảo vệ N1 tạm giữ Công an quận L và là trưởng ca trực trong các ca trực bảo vệ Nhà tạm giữ được phân công (H với T không cùng một ca trực) để đặt vấn đề nhờ T sắp xếp, bố trí cho Nguyễn Thị Kim H4 được vào trong Nhà tạm giữ thăm gặp Lê Hồng H5.

Khi được H nhờ, T cũng biết H5 là đối tượng không được thân nhân thăm gặp và bản thân T không có thẩm quyền cho thân nhân thăm gặp bị can, phạm nhân, cũng như không được phép đưa người không có nhiệm vụ vào trong Nhà tạm giữ; tuy nhiên, vì vụ lợi, T đã đồng ý với đề nghị của H với điều kiện H phải là người trực tiếp đưa H4 đến Nhà tạm giữ và phải chi tiền “bồi dưỡng” cho T là 05 triệu đồng để sắp xếp, bố trí cho H4 được vào trong Nhà tạm giữ thăm gặp H5 vào buổi tối trong ca trực của T. H đã nói lại cho H4 biết về việc phải chi tiền cho T thì H4 đồng ý.

Trong tháng 4/2020, T và H đã 02 lần sắp xếp, bố trí cho Nguyễn Thị Kim H4 vào trong Nhà tạm giữ Công an quận L để thăm gặp, ở cùng bị can Lê Hồng H5 qua đêm, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào một ngày đầu tháng 4/2020 (chưa xác định chính xác ngày) trong ca trực qua đêm do T làm T1 ca trực. Sau khi trao đổi, thống nhất với T, khoảng 23h00' cùng ngày, H đến nhà H4 đón H4 đi cùng xe ô tô đến Nhà tạm giữ Công an quận L. Trên đường đi, H4 đưa cho H 05 triệu đồng để H lo chi phí cho H4 được thăm gặp H5. Khi H lái xe ô tô vào sân ngoài của N1 tạm giữ, cả hai người xuống xe đi bộ vào bên trong khu giam giữ của Nhà tạm giữ để gặp T. Tại đây, H đưa cho T 05 triệu đồng mà H4 đã đưa để T bố trí cho H4 thăm gặp, ở cùng H5 tại một phòng làm việc ở tầng 1 của Nhà tạm giữ, rồi H đi ra lái xe ô tô rời khỏi Nhà tạm giữ. Đến khoảng 04h00' giờ sáng, H lái xe ô tô quay lại Nhà tạm giữ đón H4 về.

Lần thứ hai: Do sắp đến ngày sinh con, H4 muốn được thăm gặp H5 nên lại nhờ H giúp. H tiếp tục nhờ T và được T đồng ý sẽ sắp xếp, bố trí cho H4 vào Nhà tạm giữ thăm gặp H5 trong ca trực mà T là T1 ca trực bảo vệ Nhà tạm giữ vào đêm ngày 19, rạng sáng ngày 20/4/2020. Sau khi đã thống nhất, khoảng hơn 23h00' ngày 19/4/2020, H đến nhà H4 đón H4 đi cùng ô tô đến Nhà tạm giữ Công an quận L. Khoảng 00h04' ngày 20/4/2020, H lái xe vào sân ngoài Nhà tạm giữ, H và H4 xuống xe đi bộ

vào trong khu giam giữ. Tại đây, H4 đưa cho H 05 triệu đồng để H chi bồi dưỡng ca trực. Khi gặp T, H đã đưa số tiền này cho T để T bố trí cho H4 thăm gặp và ở cùng H5 tại một phòng làm việc ở tầng 1 Nhà tạm giữ. Sau đó, H ra lái xe ô tô rời khỏi Nhà tạm giữ. Đến khoảng 05h19' ngày 20/4/2020, H lái xe ô tô quay lại Nhà tạm giữ đón H4 về.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận thực hiện hành vi như trên. Lời khai nhận của H phù hợp với lời khai của những người có liên quan gồm: Nguyễn Thị Kim H4, Lê Hồng H5 và Nguyễn Đức S, dữ liệu camera của Hệ thống KSAN, Lịch trực bảo vệ Nhà tạm giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Nguyễn Phương T thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội vào đêm ngày 19 rạng sáng ngày 20/4/2020 nhưng không thừa nhận lần phạm tội vào đầu tháng 4/2020. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Kim H4, Lê Hồng H5, Đào Ngọc Q, Hoàng Thanh H6, Nguyễn Đức S, Nguyễn Minh T2 và các chứng cứ khác có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Phương T đã 02 lần cho Nguyễn Thị Kim H4 vào Nhà tạm giữ gặp Lê Hồng H5 như nêu ở trên.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Phương T cũng không thừa nhận đã nhận tiền bồi dưỡng của Nguyễn Thị Kim H4 đưa cho T thông qua Nguyễn Văn H. Căn cứ lời khai của H, H4, có cơ sở xác định động cơ của bị can T vì vụ lợi, với tổng số tiền hưởng lợi bất chính là 10 triệu đồng từ 02 lần thực hiện hành vi phạm tội.

Kết quả trích xuất dữ liệu từ Hệ thống Camera kiểm soát an ninh (KSAN) của N1 tạm giữ Công an quận L thể hiện: Nguyễn Văn H đã cùng Nguyễn Phương T bố trí, sắp xếp đưa Nguyễn Thị Kim H4 vào bên trong Nhà tạm giữ Công an quận L lần thứ hai để gặp và ở cùng Lê Hồng H5 trong thời gian từ khoảng 23h59' ngày 19/4/2020 đến 05h26' ngày 20/4/2020.

Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao đã trưng cầu giám định đối với phần dữ liệu điện tử được trích xuất từ Hệ thống KSAN nêu trên. Tại Kết luận giám định số 14/KL-GĐKTHS ngày 14/8/2024 của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp tin video mẫu cần giám định; Không tìm thấy dữ liệu âm thanh

trong các tệp tin video mẫu cần giám định; Đã trích xuất hình ảnh theo các mốc thời gian yêu cầu.

Đồ vật thu giữ gồm có: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ, đã qua sử dụng: Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao thu giữ, được tạm giữ theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản, tài liệu ngày 07/5/2024, được chuyển cùng hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, quá trình điều tra không thu giữ được chiếc xe ô tô Nguyễn Văn H sử dụng để đưa, đón Nguyễn Thị Kim H4 vào, ra Nhà tạm giữ Công an quận L; không xác định được Biển kiểm soát theo H khai là thật hay giả, không xác định được số khung, số máy, không xác định được chủ sở hữu của chiếc xe này, nên không có cơ sở xem xét, xử lý.

Đối với Nguyễn Thị Kim H4: Quá trình điều tra, H4 đã thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao làm sáng tỏ vụ án. Hiện H4 đang phải chấp hành án phạt 30 năm tù giam và đang bị tạm giam chờ xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao thấy không cần thiết xem xét, xử lý đối với Nguyễn Thị Kim H4 là phù hợp.

Đối với Nguyễn Đức S: Thời điểm xảy ra sự việc, S là cán bộ Công an chuyên nghiệp (chiến sĩ nghĩa vụ chuyển sang chuyên nghiệp), chưa được đào tạo tại các trường nghiệp vụ của ngành Công an. Trong ca trực bảo vệ Nhà tạm giữ Công an quận L, S được Nguyễn Phương T phân công trực đồng, mở cổng Nhà tạm giữ. S thực hiện mở cổng, cửa Nhà tạm giữ để Nguyễn Văn H đưa Nguyễn Thị Kim H4 vào trong Nhà tạm giữ trong đêm ngày 19, rạng sáng ngày 20/4/2020 theo sự chỉ đạo của T là T1 ca trực. Hiện S không thừa nhận là người mở cổng, cửa Nhà tạm giữ để cho H và T bố trí cho H4 gặp H5 trong lần trước đó vào ca trực đầu tháng 4/2020. Quá trình điều tra xác định T, H và H4 không bàn bạc với S; S không có động cơ vụ lợi hay động cơ cá nhân khác. Hành vi trái công vụ nêu trên của S được thực hiện theo sự chỉ đạo của T1 ca trực là T. Do vậy, chưa đủ căn cứ xác định Nguyễn Đức S có dấu hiệu đồng phạm với bị can Nguyễn Phương T. Hiện S đã bị cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật Đảng bằng hình thức “Khiển trách” về hành vi vi phạm trong công tác bảo vệ Nhà tạm giữ, Cơ

quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao không tiếp tục kiến nghị xử lý kỷ luật đối với S là phù hợp.

Đối với Nguyễn Minh T2: T2 được phân công trực cùng ca trực với Nguyễn Phương T và Nguyễn Đức S, đề xảy ra sai phạm nêu trên. Quá trình điều tra không có tài liệu, chứng cứ xác định T2 liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can Nguyễn Phương T và Nguyễn Văn H, nên không đủ căn cứ xác định T2 có dấu hiệu đồng phạm với T và H trong vụ án. Hành vi vi phạm của T2 trong công tác bảo vệ Nhà tạm giữ do không phát hiện hành vi sai phạm của T và H đã bị Cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật “Khiển trách”, nên Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao không tiếp tục kiến nghị xử lý kỷ luật đối với Nguyễn Minh T2 là phù hợp.

Đối với Ban chỉ huy Đội Cảnh sát THAHS&HTTP và Lãnh đạo Công an quận L: Nguyễn Phương T và Nguyễn Văn H đã tự ý sắp xếp cho Nguyễn Thị Kim H4 02 lần vào trong Nhà tạm giữ Công an quận L gặp Lê Hồng H5 trái pháp luật, che giấu không cho B2 chỉ huy Đội Cảnh sát THAHS&HTTP và Lãnh đạo Công an quận biết. Tuy nhiên, Ban chỉ huy Đội Cảnh sát THAHS&HTTP và Lãnh đạo Công an quận L có liên quan đã thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ đối với các cán bộ được phân công trực bảo vệ Nhà tạm giữ qua đêm, để T và H lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội. Giám đốc Công an thành phố H và Lãnh đạo Công an quận L đã có những hình thức xử lý kỷ luật phù hợp đối với những cá nhân trong Lãnh đạo Công an quận và Ban chỉ huy Đội Cảnh sát THAHS &HTTP có liên quan đến sai phạm của T và H, kể cả những người đã nghỉ hưu, xuất ngũ. Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao không tiếp tục kiến nghị xử lý kỷ luật đối với Ban chỉ huy Đội Cảnh sát THAHS&HTTP và Lãnh đạo Công an quận L là phù hợp.

Đối với vụ án “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 203/PC01-DD4 ngày 22/8/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, do quá trình điều tra chưa xác định được bị can nên Cơ quan điều tra Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao đã tách vụ án để tạm đình chỉ điều tra theo quy định.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 89/2024/HS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Long Biên đã quyết định: Tuyên bố các bị

cáo Nguyễn Phương T và Nguyễn Văn H phạm tội “*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 357; điểm v khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với cả hai bị cáo Nguyễn Phương T và Nguyễn Văn H; áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phương T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để tạm giam 07/5/2024.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Phương T phải truy nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) do hưởng lợi bất chính từ hành vi phạm tội.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/5/2025 bị cáo Nguyễn Văn H; ngày 21/5/2025 bị cáo Nguyễn Phương T có đơn kháng cáo. Các bị cáo đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Phương T, Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết. Các bị cáo đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Bị cáo Nguyễn Phương T nhận thức được hành vi phạm tội của mình, thừa nhận tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội bản thân do nể nang, không quyết định được việc cho thăm gặp, không được hưởng lợi vật chất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân của các bị cáo, vai trò của từng bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xem xét kháng cáo của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phương T, Nguyễn Văn H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H trình bày bản bào chữa cho rằng hành vi của bị cáo bị truy tố là đúng người, đúng pháp luật. Luật sư đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo; đối tượng H4 nhờ vào thăm gặp lúc đó bản thân đang mang thai sắp đến kỳ sinh nở, xin vào gặp chồng nên vì tình nghĩa mà các bị cáo đã giúp đỡ cho hai vợ, chồng gặp nhau, điều đó thể hiện tình cảm của các bị cáo trong hoàn cảnh này; bị cáo H trong quá trình công tác được tặng nhiều giấy khen, chiến sĩ thi đua, huân chương chiến sĩ vẻ vang; thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Do vậy Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phương T, Nguyễn Văn H đều đúng về mặt chủ thể kháng cáo và trong thời hạn của luật định nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Phương T, Nguyễn Văn H phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều, phù hợp với lời khai của người làm chứng, tang vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Phương T và Nguyễn Văn H, nguyên là các cán bộ Đội Cảnh sát THAHS &HTTP Công an quận L, thành phố Hà Nội, không có thẩm quyền giải quyết cho thân nhân thăm gặp bị can, phạm nhân tại Nhà tạm giữ đã không tuân thủ quy định của Công an thành phố H, Công an quận L và của N1 tạm giữ về việc không tổ chức cho thân nhân thăm gặp bị can, phạm nhân do yêu cầu phòng, chống dịch bệnh Covid-19; không chấp hành quy định của Nhà tạm giữ nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực giam, giữ bên trong, đã cùng nhau bàn bạc, thu xếp cho Nguyễn Thị Kim H4 là người sống chung như vợ chồng với bị can Lê Hồng H5, vào trong Nhà tạm giữ ở cùng bị can H5 qua đê trái pháp luật 02 lần trong tháng 4/2020, bị cáo Nguyễn Phương T thu lợi bất chính là 10.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Phương T, Nguyễn Văn H đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Lạm quyền trong khi thi*

hành công vụ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phương T, Nguyễn Văn H thì Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án, vai trò của các bị cáo, nhân thân của các bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo như: Bị cáo Nguyễn Văn H là người khởi xướng đặt vấn đề nhờ bị cáo T để H4 vào thăm qua đêm với Lê Hồng H5, bị cáo chưa có tiền án tiền sự nhưng đang bị khởi tố về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo ăn năn hối cải thành khẩn khai báo, bị cáo được tặng nhiều huy chương, bằng khen, giấy khen của các cấp có thẩm quyền về thành tích trong công tác nên cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Phương T là trưởng ca trực, đã giúp H đưa H4 vào thăm và qua đêm với đối tượng Lê Hồng H5 tại Nhà tạm giữ vì động cơ trục lợi, bị cáo là người thực hành tích cực trong vụ án này, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo được tặng nhiều huy chương, bằng khen, giấy khen của các cấp có thẩm quyền về thành tích trong công tác nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 05 năm tù về tội “*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*” là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại cấp phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn H không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Phương T 06 năm tù về tội “*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*” là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại cấp sơ thẩm bị cáo không thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội; tại cấp phúc thẩm bị cáo Nguyễn phương T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; tích cực tác động gia đình nộp lại toàn bộ khoản tiền hưởng lợi bất chính là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm

nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Phương T, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với gia đình và xã hội.

[4] Xác nhận bị cáo Nguyễn Phương T đã truy nộp số tiền 10.000.000 đồng hưởng lợi bất chính theo quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[6] Bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo không được cấp phúc thẩm chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Phương T kháng cáo được cấp phúc thẩm chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự,

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 357; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Phương T 05 (Năm)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **07/5/2024** về tội “*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 357; điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H 05 (Năm)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án về tội “*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*”.

- Buộc bị cáo Nguyễn Phương T phải truy nộp số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) do hưởng lợi bất chính từ hành vi phạm tội. Xác nhận bị cáo Nguyễn Phương T đã nộp số tiền 10.000.000 đồng (*Theo Biên lai thu tiền số: 0000302 ngày 14/7/2025 của Thi hành án Dân sự thành phố H*).

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Phương T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Cục Thi hành án dân sự TP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận Long Biên;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên;
- Công an quận Long Biên;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Ngọc Cảnh